

Số: **2621**/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **22** tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của  
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày  
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị  
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP  
ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa  
liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của  
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy  
định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ  
về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 5979/TTr-SGTVT  
ngày 14 tháng 6 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này 16 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP tại các cơ quan, đơn vị.

## 2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- TTUB: CT; các PCT;
- VPUB: PCVP/VX;
- Phòng KSTTHC, TTTH, TTCB;
- Lưu: VT, (KSTT/H) T. 6



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**



**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2621 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ**

| STT                                     | Tên quy trình nội bộ                                                                                                                                                  |
|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. Lĩnh vực đường bộ</b>             |                                                                                                                                                                       |
| 1                                       | Cấp đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng                                               |
| <b>II. Lĩnh vực đường thủy nội địa</b>  |                                                                                                                                                                       |
| 2                                       | Đăng ký phương tiện lân đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa                                                                                |
| 3                                       | Đăng ký phương tiện lân đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa                                                                                |
| 4                                       | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.                                                |
| 5                                       | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật                                                                                 |
| 6                                       | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện                                             |
| 7                                       | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện                                               |
| 8                                       | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác |
| 9                                       | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện                                                                                                                           |
| 10                                      | Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện                                                                                                                               |
| 11                                      | Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa                                                                          |
| <b>III. Lĩnh vực đường thủy nội địa</b> |                                                                                                                                                                       |
| 12                                      | Cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới                                                                           |
| 13                                      | Cấp giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ                                                                                    |
| 14                                      | Cấp giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở người bốn bánh có gắn động cơ                                                                                   |
| 15                                      | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo Pickup (xe bán tải)                                                   |
| 16                                      | Cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng                                                            |





## QUY TRÌNH

Cấp đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật  
về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2621 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

### I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| STT | Tên hồ sơ                                                                                          | Số lượng | Ghi chú   |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|
| 01  | Đơn đề nghị đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (theo mẫu) | 01       | Bản chính |
| 02  | 03 (ba) ảnh màu cỡ 2 x 3cm, ảnh chụp không quá 6 tháng, kiểu chứng minh nhân dân                   | 03       | Bản chính |
| 03  | Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu                                          | 01       | Bản sao   |

### II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả                                                                                                    | Thời gian xử lý                                                  | Lệ phí   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------|
| Bộ phận tiếp nhận - Trường Cao đẳng GTVT TP. Hồ Chí Minh, địa chỉ: 252 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Không có |

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm       | Thời gian      | Hồ sơ/Biểu mẫu          | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----------------|--------------------|-------------------|----------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1             | Nộp hồ sơ          | Cá nhân           | Giờ hành chính | Theo mục I              | Cá nhân nộp hồ sơ theo mục I                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                | Kiểm tra hồ sơ     | Bộ phận tiếp nhận |                | BM 01<br>BM 02<br>BM 03 | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.<br>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02 và ghi rõ lý do. |

| Bước công việc | Nội dung công việc                                  | Trách nhiệm                                 | Thời gian                   | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                         | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                |                                                     |                                             |                             |                                                                                        | - Trường hợp từ chối nộp hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03                                                                                                                                                                                  |
| B2             | <b>Tiếp nhận hồ sơ</b>                              | Cán bộ tiếp nhận                            | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I BM 01                                                                       | Chuyển hồ sơ cho cán bộ chuyên môn                                                                                                                                                                                                                                       |
| B3             | <b>Thụ lý hồ sơ, đề xuất kết quả xử lý</b>          | Cán bộ chuyên môn của trường                | 01 ngày làm việc            | Theo mục I BM 01<br>Kết quả kiểm tra của học viên<br>- Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | - Cán bộ chuyên môn tiến hành thẩm tra, thẩm định hồ sơ theo quy định, đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ: Dự thảo tờ trình, văn bản đề nghị cấp đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do (nếu có)<br>- Hoàn thiện trình lãnh đạo trường xem xét |
| B4             | <b>Xem xét, trình ký</b>                            | Lãnh đạo trường Cao đẳng giao thông vận tải | 0,5 ngày làm việc (04 giờ)  | Theo mục I BM 01<br>Dự thảo kết quả giải quyết hồ sơ                                   | Lãnh đạo trường xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản đề nghị<br>Chuyển trình lãnh đạo Sở xem xét                                                                                                                                                                              |
| B5             | <b>Duyệt ký</b>                                     | Lãnh đạo Sở                                 | 01 ngày làm việc            | Theo mục I BM 01<br>Dự thảo kết quả giải quyết hồ sơ                                   | Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký duyệt cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ hoặc văn bản từ chối                                                                                                                                              |
| B6             | <b>Phát hành văn bản</b>                            | Văn thư Sở                                  | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Hồ sơ đã được phê duyệt                                                                | - Photo, lấy sổ, đóng dấu chứng chỉ hoặc văn bản từ chối<br>- Vào sổ giao nhận hồ sơ và chuyển kết quả về trường Cao đẳng GTVT                                                                                                                                           |
| B7             | <b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận tiếp nhận                           | Theo giấy hẹn               | Kết quả                                                                                | - Trả kết quả cho học viên<br>- Thống kê, theo dõi lưu hồ sơ theo quy định                                                                                                                                                                                               |

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                                                            |
|-----|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.                                            |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ                                             |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ                                            |
| 4   | BM 04   | Đơn đề nghị đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ |

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                                                            |
|-----|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.                                            |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ                                             |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ                                            |
| 4   | BM 04   | Đơn đề nghị đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ |
| 5   | //      | Các hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành                                          |

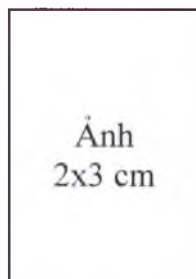
#### VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07 tháng 3 năm 2011 Quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dụng tham gia giao thông đường bộ;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.
- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

## PHỤ LỤC 8

### MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ  
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG  
ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: .....

Tên tôi là: .....

Sinh ngày: ..... tháng ..... năm .....

Nơi cư trú: .....

Số Giấy chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Hiện tôi đã có Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ do ..... cấp, đổi, cấp lại; số Chứng chỉ: .....  
cấp ngày ... tháng ... năm .....

Lý do xin đổi, cấp lại: .....

Đề nghị ..... đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ..... tháng .... năm 20 .....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

\* Xin gửi kèm theo:

- 03 ảnh màu kích thước 2x3 cm mới chụp không quá 06 tháng kiểu CMND;
- Giấy CMND, CCCD hoặc hộ chiếu (Bản photocopy, có bản chính để đối chiếu).





## QUY TRÌNH

**Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2621 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

### I. THANH PHẦN HỒ SƠ

| STT                                                                   | Tên hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số lượng | Ghi chú   |
|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|
| <b>A. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |          |           |
| 01                                                                    | Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (theo mẫu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 01       | Bản chính |
| 02                                                                    | Ảnh khô 10x15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 02       | Bản chính |
| 03                                                                    | Biên lai nộp lệ phí trước bạ (áp dụng đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 01       | Bản chính |
| 04                                                                    | Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (theo mẫu) - <b>áp dụng đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 01       | Bản chính |
| <b>B. Giấy tờ xuất trình để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra</b>  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |          |           |
| 05                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy chứng nhận An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực, đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.</li> <li>+ Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu;</li> <li>+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc đóng mới phương tiện (đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm)</li> <li>+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam (đối với phương tiện nước ngoài) hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam (đối với cá nhân nước ngoài)</li> <li>+ Hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê)</li> </ul> | 01       | Bản chính |

## II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả                                                                 | Thời gian xử lý                                        | Lệ phí               |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|
| Bộ phận một cửa - Trung tâm Quản lý đường thủy, địa chỉ: 314 Cô Bắc, Phường Cô Giang, Quận 1 | 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định | 70.000 VNĐ/1 lần cấp |



### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc                               | Trách nhiệm                                            | Thời gian                   | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                                           | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1             | Nộp hồ sơ                                        | Tổ chức, cá nhân                                       | Giờ hành chính              | Theo mục I                                                                                                                               | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                | Kiểm tra hồ sơ                                   | Bộ phận Một cửa                                        |                             | Theo mục I<br>BM 01<br>BM 02<br>BM 03                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ theo BM 03</li> </ul> |
| B2             | Tiếp nhận hồ sơ                                  | Bộ phận Một cửa                                        | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I<br>BM 01                                                                                                                      | Chuyển giao hồ sơ đến Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| B3             | Phân công thụ lý hồ sơ                           | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy    | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I<br>BM 01                                                                                                                      | Phòng Chuyên môn phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| B4             | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Chuyên viên Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy | 01 ngày làm việc            | Theo mục I<br>BM 01<br><br>Tờ trình, Dự thảo giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ: Lập tờ trình đề xuất giải quyết TTHC, dự thảo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời từ chối nêu rõ lý do.</li> <li>-Trình lãnh đạo Phòng xem xét</li> </ul>                                                                                                      |

| Bước công việc | Nội dung công việc                                  | Trách nhiệm                                         | Thời gian                  | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                      | Diễn giải                                                                                                                                                                         |
|----------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B5             | <b>Xem xét, trình ký</b>                            | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I BM 01<br>- Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.  | - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký tờ trình, ký nháy giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy, phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.<br>- Trình lãnh đạo Sở duyệt ký |
| B6             | <b>Duyệt ký</b>                                     | Lãnh đạo Sở                                         | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I BM 01<br>Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy.<br>Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời. | - Xem xét hồ sơ, Ký Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.<br>- Chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý.                        |
| B7             | <b>Phát hành văn bản</b>                            | Chuyên viên thụ lý                                  | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Hồ sơ đã duyệt                                                                                                      | - Photo, đóng dấu, phát hành Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy. Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.<br>- Chuyển đến Bộ phận một cửa của Trung tâm.          |
| B8             | <b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận Một cửa                                     | Theo giấy hẹn              | Kết quả                                                                                                             | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân<br>- Thống kê, theo dõi lưu hồ sơ theo quy định                                                                                                |

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                                                                                  |
|-----|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.                                                                  |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ                                                                   |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ                                                                  |
| 4   | BM 04   | Mẫu Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa chưa khai thác                                               |
| 5   | BM 05   | Mẫu Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm. |

## V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                          |
|-----|---------|-------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.          |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ           |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ          |
| 4   | BM 04   | Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa          |
| 5   | //      | Sổ theo dõi hồ sơ                                     |
| 6   | //      | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ            |
| 7   | //      | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện chưa khai thác, đăng ký lần đầu)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: .....

(Đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Trụ sở chính (1): .....

- Điện thoại: .....Email: .....

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa  
với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Ký hiệu thiết kế: .....

Công dụng: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: ..... m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: .... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

.....

Máy phụ (Nếu có): .....

Giấy phép nhập khẩu số (Nếu có): ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Do cơ quan ..... cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số: do cơ quan cấp.....

Hoà đơn nộp lệ phí trước bạ số: ..... ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

..... ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN <sup>(2)</sup>***(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*



(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**  
**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**  
**PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC ĐIỆN ĐĂNG KIỂM**

(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 mã lực hoặc có sức chở dưới 05 người)

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:.....  
 (Đại diện cho các đồng sở hữu ..... )  
 - Trụ sở chính (1): .....  
 - Điện thoại: .....Email: .....  
 Loại phương tiện:.....  
 Vật liệu đóng phương tiện: .....  
 Kích thước phương tiện: ( $L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$ ) = (.....x.....x.....x.....) m  
 Máy (loại, công suất):..... (cv)  
 Khả năng khai thác:   a) Trọng tải toàn phần: ..... tấn.  
                               b) Sức chở người: ..... người.  
 Tình trạng thân vỏ: .....  
 Tình trạng hoạt động của máy: .....  
 Vạch dấu môn nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:  
 .....mm  
 Dụng cụ cứu sinh: số lượng..... (chiếc); Loại: .....  
 Đèn tín hiệu: .....  
 Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....,ngày.....tháng.....năm.....

**Chủ phương tiện (2)**  
 (ký và ghi rõ họ tên)

- (1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.
- (2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.



## QUY TRÌNH

**Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên  
đường thủy nội địa**

*(Bản hành văn theo Quyết định số **2621** /QĐ-UBND ngày **22** tháng **7** năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

### I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| STT                                                                    | Tên hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Số lượng | Ghi chú   |
|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|
| <b>A. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |          |           |
| 01                                                                     | Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (theo mẫu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 01       | Bản chính |
| 02                                                                     | Ảnh khổ 10x15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 02       | Bản chính |
| 03                                                                     | Biên lai nộp lệ phí trước bạ ( <b>áp dụng đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ</b> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 01       | Bản chính |
| 04                                                                     | Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (theo mẫu) - <b>áp dụng đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 01       | Bản chính |
| <b>B. Giấy tờ xuất trình để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:</b>  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |          |           |
| 05                                                                     | + Giấy chứng nhận kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực, đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.<br>+ Đối với phương tiện được đóng mới trong nước sau ngày 01/01/2005, ngoài hồ sơ nêu trên, chủ phương tiện phải xuất trình thêm bản chính của hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra, trừ trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.<br>+ Hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê) | 01       | Bản chính |

### II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả                                                                 | Thời gian xử lý                                        | Lệ phí               |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|
| Bộ phận một cửa - Trung tâm Quản lý đường thủy, địa chỉ: 314 Cô Bắc, Phường Cô Giang, Quận 1 | 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định | 70.000 VNĐ/1 lần cấp |

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc                               | Trách nhiệm                                            | Thời gian                   | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                                        | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1             | Nộp hồ sơ                                        | Tổ chức, cá nhân                                       | Giờ hành chính              | Theo mục I                                                                                                                            | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|                | Kiểm tra hồ sơ                                   | Bộ phận Một cửa                                        |                             | Theo mục I<br>BM 01<br>BM 02<br>BM 03                                                                                                 | <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ theo BM 03</p> |
| B2             | Tiếp nhận hồ sơ                                  | Bộ phận Một cửa                                        | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I<br>BM 01                                                                                                                   | Chuyển giao hồ sơ đến Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| B3             | Phân công thụ lý hồ sơ                           | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy    | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I<br>BM 01                                                                                                                   | Phòng Chuyên môn phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| B4             | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Chuyên viên Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy | 01 ngày làm việc            | Theo mục I<br>BM 01<br>Tờ trình, dự thảo giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời. | <p>-Chuyên viên thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ: Lập tờ trình đề xuất giải quyết TTHC, dự thảo giấy chứng nhận, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời từ chối nêu rõ lý do.</p> <p>-Trình lãnh đạo Phòng xem xét</p>                                                                                                                         |



| Bước công việc | Nội dung công việc                           | Trách nhiệm                                         | Thời gian                  | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                             | Diễn giải                                                                                                                                                                               |
|----------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B5             | Xem xét, trình ký                            | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I BM 01<br>- Dự thảo Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời. | - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký tờ trình, ký nháy giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện hoặc ký nháy phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.<br>-Trình lãnh đạo Sở duyệt ký |
| B6             | Duyệt ký                                     | Lãnh đạo Sở                                         | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I BM 01<br>Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.           | - Xem xét hồ sơ, Ký Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.<br>- Chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý.                                   |
| B7             | Phát hành văn bản                            | Chuyên viên thụ lý.                                 | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I BM 01<br>Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.           | - Photo, đóng dấu, phát hành Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy. Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.<br>- Chuyển đến Bộ phận một cửa của Trung tâm.                |
| B8             | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Một cửa                                     | Theo giấy hẹn              | Kết quả                                                                                                                    | -Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân<br>-Thống kê, theo dõi lưu hồ sơ theo quy định                                                                                                        |

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                                                                                 |
|-----|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.                                                                 |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ                                                                  |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ                                                                 |
| 4   | BM 04   | Mẫu Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa                                                             |
| 5   | BM 05   | Mẫu Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm |

## V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                          |
|-----|---------|-------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.          |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ           |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ          |
| 4   | BM 04   | Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa          |
| 5   |         | Sổ theo dõi hồ sơ                                     |
| 6   |         | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ            |
| 7   |         | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:.....(Đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Trụ sở chính (1): .....

- Điện thoại: .....Email: .....

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa  
với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Chiều cao mạn:..... m

Năm hoạt động:..... Chiều chìm: ..... m

Công dụng:..... Mạn khô:.....m

Năm và nơi đóng: ..... Trọng tải toàn phần: .....tấn

Vật liệu vỏ: ..... Số người có thể chở:..... người

Chiều dài lớn nhất:..... m Sức kéo, đẩy: .....tấn

Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Máy chính (Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):.....

.....

Máy phụ (Nếu có):.....

Phương tiện này được (Mua lại hoặc đóng tại):.....

..... (Cá nhân hoặc tổ chức) .....

Địa chỉ: .....

Thời gian (Mua, tặng, đóng):..... ngày .....tháng .....năm .....

Nay đề nghị..... đăng ký phương tiện

trên.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu hợp pháp đối với phương tiện và lời khai trên.

....., ngày .... tháng ....

Xác nhận của đại diện chính quyền địa  
phương cấp phường, xã

(Nội dung: Xác nhận tổ ông, bà.....)

.....  
đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương có phương  
tiện nói trên và không tranh chấp về quyền sở hữu)

(Ký tên, đóng dấu)

**CHỦ PHƯƠNG**

(Ký tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA  
PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC ĐIỆN ĐĂNG KIỂM**

(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 mã lực hoặc có sức chở dưới 05 người)

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:.....

(Đại diện cho các đồng sở hữu ..... )

- Trụ sở chính (1): .....

- Điện thoại: .....Email: .....

Loại phương tiện:.....

Vật liệu đóng phương tiện: .....

Kích thước phương tiện: ( $L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$ ) = (.....x.....x.....x.....) m

Máy (loại, công suất):..... (cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: ..... tấn.

b) Sức chở người: ..... người.

Tình trạng thân vỏ: .....

Tình trạng hoạt động của máy: .....

Vạch dấu món nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn: .....mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng..... (chiếc); Loại: .....

Đèn tín hiệu: .....

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....,ngày.....tháng.....năm.....

**Chủ phương tiện (2)**

(ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.





## QUY TRÌNH

**Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.**

*Ban hành kèm theo Quyết định số **2621** /QĐ-UBND ngày **22** tháng **7** năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố*

### I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| STT                                                                    | Tên hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số lượng | Ghi chú   |
|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|
| <b>A. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |          |           |
| 01                                                                     | Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (theo mẫu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 01       | Bản chính |
| 02                                                                     | Anh khô 10x15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 02       | Bản chính |
| 03                                                                     | Biên lai nộp lệ phí trước bạ (áp dụng đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 01       | Bản chính |
| 04                                                                     | Giấy chứng nhận xóa đăng ký của cơ quan đăng ký phương tiện trước đó đối với phương tiện là tàu biển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 01       | Bản chính |
| <b>B. Giấy tờ xuất trình để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:</b>  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |          |           |
| 06                                                                     | + Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực, đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.<br>+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật (đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm)<br>+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam (đối với phương tiện nước ngoài) hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam (đối với cá nhân nước ngoài)<br>+ Hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê) | 01       | Bản chính |

### II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả                                                                 | Thời gian xử lý                                        | Lệ phí               |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|
| Bộ phận Một cửa - Trung tâm Quản lý Đường thủy, địa chỉ: 314 Cô Bắc, Phường Cô Giang, Quận 1 | 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định | 70.000 VNĐ/1 lần cấp |

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc                                      | Trách nhiệm                                            | Thời gian                   | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                                                    | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1             | <b>Nộp hồ sơ</b>                                        | Tổ chức, cá nhân                                       | Giờ hành chính              | Theo mục I                                                                                                                                        | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|                | <b>Kiểm tra hồ sơ</b>                                   | Bộ phận Một cửa                                        |                             | Theo mục I<br>BM 01<br>BM 02<br>BM 03                                                                                                             | <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ theo BM 03</p> |
| B2             | <b>Tiếp nhận hồ sơ</b>                                  | Bộ phận Một cửa                                        | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I<br>BM 01                                                                                                                               | Chuyển giao hồ sơ đến Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| B3             | <b>Phân công thụ lý hồ sơ</b>                           | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy    | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I<br>BM 01                                                                                                                               | Phòng Chuyên môn phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| B4             | <b>Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC</b> | Chuyên viên Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy | 01 ngày làm việc            | <p>Theo mục I<br/>BM 01</p> <p>Tờ trình, dự thảo giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.</p> | <p>- Chuyên viên thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ: Lập tờ trình đề xuất giải quyết TTHC, dự thảo giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời từ chối nêu rõ lý do.</p> <p>-Trình lãnh đạo Phòng xem xét</p>                                                                                                    |

| Bước công việc | Nội dung công việc                                  | Trách nhiệm                                         | Thời gian                  | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                           | Diễn giải                                                                                                                                                                         |
|----------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B5             | <b>Xem xét, trình ký</b>                            | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I BM 01<br>Dự thảo Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời. | - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký tờ trình, ký nháy giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.<br>- Trình lãnh đạo Sở duyệt ký |
| B6             | <b>Duyệt ký</b>                                     | Lãnh đạo Sở                                         | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I BM 01<br>Dự thảo Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời. | - Xem xét hồ sơ, Ký Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.                                                                  |
| B7             | <b>Phát hành văn bản</b>                            | Chuyên viên thụ lý                                  | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I BM 01<br>Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.         | - Photo, đóng dấu, phát hành Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy. Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.<br>- Chuyển đến Bộ phận một cửa của Trung tâm.          |
| B8             | <b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận Một cửa                                     | Theo giấy hẹn              | Kết quả                                                                                                                  | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân<br>- Thống kê, theo dõi lưu hồ sơ theo quy định                                                                                                |

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                                                                                 |
|-----|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.                                                                 |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ                                                                  |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ                                                                 |
| 4   | BM 04   | Mẫu Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa chưa khai thác                                              |
| 5   | BM 05   | Mẫu Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm |

## V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                          |
|-----|---------|-------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.          |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ           |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ          |
| 4   | BM 04   | Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa          |
| 5   | //      | Sổ theo dõi hồ sơ                                     |
| 6   | //      | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ            |
| 7   | //      | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký  
khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:.....
- (Đại diện cho các đồng sở hữu ..... )
- Trụ sở chính (1): .....
- Điện thoại: .....Email: .....

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa  
với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Ký hiệu thiết kế : .....

Công dụng: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ:.....

Chiều dài thiết kế:..... m Chiều dài lớn nhất:..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất:..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm:..... m

Mạn khô:..... m Trọng tải toàn phần:.....tấn

Số người được phép chở:.... người Sức kéo, đẩy:.....tấn

Máy chính (Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất: .....

.....

Máy phụ (Nếu có):.....

Giấy phép nhập khẩu số (Nếu có):ngày.....tháng .....năm .....do ..... cơ quan.....cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số: .....do cơ quan.....cấp.

Hoá đơn nộp lệ phí trước bạ số: ..... ngày.....tháng.....năm .....

.....

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

..... ngày.....tháng.....năm 20....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN <sup>(2)</sup>**

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.



## QUY TRÌNH

Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật

(Được ban hành theo Quyết định số **2621** /QĐ-UBND ngày **22** tháng **7** năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

### I. THANH PHẦN HỒ SƠ

| STT                                                                    | Tên hồ sơ                                                                                                                                                        | Số lượng | Ghi chú   |
|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|
| <b>A. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:</b> |                                                                                                                                                                  |          |           |
| 01                                                                     | Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (theo mẫu)                                                                                                          | 01       | Bản chính |
| 02                                                                     | Ảnh khô 10x15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi                                                                                          | 02       | Bản chính |
| 03                                                                     | Biên lai nộp lệ phí trước bạ (áp dụng đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ).                                                                  | 01       | Bản chính |
| 04                                                                     | Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.                                                                                                    | 01       | Bản chính |
| 05                                                                     | Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (theo mẫu) - áp dụng đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm                                   | 01       | Bản chính |
| <b>B. Giấy tờ xuất trình để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:</b>  |                                                                                                                                                                  |          |           |
| 06                                                                     | Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường sau khi phương tiện đã thay đổi tính năng kỹ thuật còn hiệu lực, đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm. | 01       | Bản chính |

### II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả                                                                 | Thời gian xử lý                                        | Lệ phí               |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|
| Bộ phận Một cửa - Trung tâm Quản lý Đường thủy, địa chỉ: 314 Cô Bắc, Phường Cô Giang, Quận 1 | 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định | 70.000 VNĐ/1 lần cấp |

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm      | Thời gian      | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải                                             |
|----------------|--------------------|------------------|----------------|----------------|-------------------------------------------------------|
| B1             | Nộp hồ sơ          | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I     | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp) |

| Bước công việc | Nội dung công việc                                      | Trách nhiệm                                            | Thời gian                   | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                                           | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                | <b>Kiểm tra hồ sơ</b>                                   | Bộ phận Một cửa                                        |                             | Theo mục I<br>BM 01<br>BM 02<br>BM 03                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ theo BM 03</li> </ul> |
| B2             | <b>Tiếp nhận hồ sơ</b>                                  | Bộ phận Một cửa                                        | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I<br>BM 01                                                                                                                      | Chuyển giao hồ sơ đến Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| B3             | <b>Phân công thụ lý hồ sơ</b>                           | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy    | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I<br>BM 01                                                                                                                      | Phòng chuyên môn phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| B4             | <b>Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC</b> | Chuyên viên Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy | 01 ngày làm việc            | Theo mục I<br>BM 01<br><br>Tờ trình, dự thảo giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ: Lập tờ trình đề xuất giải quyết TTHC, dự thảo giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời từ chối nêu rõ lý do.</li> <li>-Trình lãnh đạo Phòng xem xét</li> </ul>                                                                                                 |
| B5             | <b>Xem xét, trình ký</b>                                | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy    | 0,5 ngày làm việc (04 giờ)  | Theo mục I<br>BM 01<br><br>Dự thảo Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ                                | - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký tờ trình, ký nháy giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, phiếu báo đóng thuế trước bạ                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| Bước công việc | Nội dung công việc                           | Trách nhiệm        | Thời gian                  | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                          | Diễn giải                                                                                                                                                                |
|----------------|----------------------------------------------|--------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                |                                              |                    |                            | bạ hoặc văn bản trả lời                                                                                                 | hoặc văn bản trả lời.<br>- Trình lãnh đạo Sở duyệt ký                                                                                                                    |
| B6             | Duyệt ký                                     | Lãnh đạo Sở        | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I BM 01<br>Dự thảo Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời | - Xem xét hồ sơ, Ký Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời                                                          |
| B7             | Phát hành văn bản                            | Chuyên viên thụ lý | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I BM 01<br>Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời         | - Photo, đóng dấu, phát hành Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy. Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.<br>- Chuyển đến Bộ phận Một cửa của Trung tâm. |
| B8             | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Một cửa    | Theo giấy hẹn              | Kết quả                                                                                                                 | -Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân<br>-Thống kê, theo dõi lưu hồ sơ theo quy định                                                                                         |

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                                                                                 |
|-----|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.                                                                 |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ                                                                  |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ                                                                 |
| 4   | BM 04   | Mẫu Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa chưa khai thác                                              |
| 5   | BM 05   | Mẫu Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm |



## V. HỒ SƠ CÀN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                          |
|-----|---------|-------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.          |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ           |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ          |
| 4   | BM 04   | Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa          |
| 5   | //      | Sổ theo dõi hồ sơ                                     |
| 6   | //      | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ            |
| 7   | //      | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: .....  
(Đại diện cho các đồng sở hữu ..... )

- Trụ sở chính (1): .....

- Điện thoại: .....Email: .....

**Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Do : ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế : .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế:..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: ..... m

Mạn khô:..... m Trọng tải toàn phần: .....tấn

Số người được phép chở:.... người Sức kéo, đẩy:.....tấn

Máy chính (Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất: .....

.....

Máy phụ (Nếu có):.....

Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện trên với lý do: .....

.....

.....

(Nêu các thông số kỹ thuật thay đổi của phương tiện xin đăng ký lại)

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

..... ngày.....tháng.....năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN <sup>(2)</sup>**

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**  
**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**  
**PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 mã lực hoặc có sức chở dưới 05 người)

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:.....

(Đại diện cho các đồng sở hữu ..... )

- Trụ sở chính (1): .....

- Điện thoại: .....Email: .....

Loại phương tiện:.....

Vật liệu đóng phương tiện: .....

Kích thước phương tiện: ( $L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$ ) = (.....x.....x.....x.....) m

Máy (loại, công suất):..... (cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: ..... tấn.

b) Sức chở người: ..... người.

Tình trạng thân vỏ: .....

Tình trạng hoạt động của máy: .....

Vạch dấu môn nước an toàn đã được sơn (kẽ) trên hai mạn và mạn khô còn: .....mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng..... (chiếc); Loại: .....

Đèn tín hiệu: .....

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....,ngày.....tháng.....năm.....

**Chủ phương tiện (2)**

(ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.



## QUY TRÌNH

**Thu tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2621** /QĐ-UBND ngày **22** tháng **7** năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

### I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| STT | Tên hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Số lượng | Ghi chú   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|
| A   | <b>Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |          |           |
| 01  | Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (theo mẫu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 01       | Bản chính |
| 02  | Ảnh khô 10x15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 02       | Bản chính |
| 03  | Biên lai nộp lệ phí trước bạ (áp dụng đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 01       | Bản chính |
| 04  | Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 01       | Bản chính |
| B.  | <b>Giấy tờ xuất trình để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |          |           |
| 05  | + Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực, đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.<br>+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam | 01       | Bản chính |

### II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả                                                                 | Thời gian xử lý                                        | Lệ phí               |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|
| Bộ phận Một cửa - Trung tâm Quản lý Đường thủy, địa chỉ: 314 Cô Bắc, Phường Cô Giang, Quận 1 | 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định | 70.000 VNĐ/1 lần cấp |



### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc                                      | Trách nhiệm                                            | Thời gian                   | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                                       | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1             | <b>Nộp hồ sơ</b>                                        | Tổ chức, cá nhân                                       | Giờ hành chính              | Theo mục I                                                                                                                           | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                | <b>Kiểm tra hồ sơ</b>                                   | Bộ phận Một cửa                                        |                             | Theo mục I<br>BM 01<br>BM 02<br>BM 03                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ theo BM 03</li> </ul> |
| B2             | <b>Tiếp nhận hồ sơ</b>                                  | Bộ phận Một cửa                                        | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I<br>BM 01                                                                                                                  | Chuyên giao hồ sơ đến Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| B3             | <b>Phân công thụ lý hồ sơ</b>                           | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy    | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I<br>BM 01                                                                                                                  | Phòng Chuyên môn phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| B4             | <b>Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC</b> | Chuyên viên Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy | 01 ngày làm việc            | Theo mục I<br>BM 01<br>Tờ trình, dự thảo giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ: Lập tờ trình đề xuất giải quyết TTHC, dự thảo giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời từ chối nêu rõ lý do.</li> <li>-Trình lãnh đạo Phòng xem xét</li> </ul>                                                                                                 |

| Bước công việc | Nội dung công việc                           | Trách nhiệm                                         | Thời gian                  | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                             | Diễn giải                                                                                                                                                                         |
|----------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B5             | Xem xét, trình ký                            | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I<br>BM 01<br>Dự thảo Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời | - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký tờ trình, ký nháy giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.<br>- Trình lãnh đạo Sở duyệt ký |
| B6             | Duyệt ký                                     | Lãnh đạo Sở                                         | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I<br>BM 01<br>Dự thảo Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời | - Xem xét hồ sơ, Ký Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.<br>- Chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý.                        |
| B7             | Phát hành văn bản                            | Chuyên viên thụ lý.                                 | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I<br>BM 01<br>Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời         | - Photo, đóng dấu, phát hành Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy. Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.<br>- Chuyển đến Bộ phận một cửa của Trung tâm.          |
| B8             | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Một cửa                                     | Theo giấy hẹn              | Kết quả                                                                                                                    | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân<br>- Thống kê, theo dõi lưu hồ sơ theo quy định                                                                                                |

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                                    |
|-----|---------|-----------------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.                    |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ                     |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ                    |
| 4   | BM 04   | Mẫu Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa chưa khai thác |

## V. HỒ SƠ CÀN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                     |
|-----|---------|--------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.     |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ      |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ     |
| 4   | BM 04   | Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa     |
| 5   | //      | Sổ theo dõi hồ sơ                                |
| 6   | //      | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ       |
| 7   | //      | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện |

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: .....

(Đại diện cho các đồng sở hữu .... )

- Trụ sở chính (1): .....

- Điện thoại: .....Email: .....

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa****với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế:.....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế:..... m Chiều dài lớn nhất:..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: ..... m

Mạn khô:..... m Trọng tải toàn phần: .....tấn

Số người được phép chở:.... người Sức kéo, đẩy: .....tấn

Máy chính (Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất: .....

.....

Máy phụ (Nếu có):.....

Phương tiện này được (Mua lại, hoặc điều chuyển ...):.....

từ (Ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị) .....

Địa chỉ:.....

Đã đăng ký tại..... ngày .....tháng .....năm 20.....

Nay đề nghị .....đăng ký lại phương tiện  
trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

..... ngày.....tháng.....năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN <sup>(2)</sup>**

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.





## QUY TRÌNH

**Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2621** /QĐ-UBND ngày **22** tháng **7** năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

### I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| STT                                                                    | Tên hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số lượng | Ghi chú   |
|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|
| <b>A. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |          |           |
| 01                                                                     | Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (theo mẫu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 01       | Bản chính |
| 02                                                                     | Ảnh khổ 10x15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 02       | Bản chính |
| 03                                                                     | Biên lai nộp lệ phí trước bạ ( <b>áp dụng đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ</b> ).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 01       | Bản chính |
| 04                                                                     | Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 01       | Bản chính |
| <b>B. Giấy tờ xuất trình để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:</b>  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |          |           |
| 05                                                                     | <ul style="list-style-type: none"><li>- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.</li><li>- Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam</li></ul> | 01       | Bản chính |

### II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả                                                                 | Thời gian xử lý                                        | Lệ phí               |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|
| Bộ phận một cửa - Trung tâm Quản lý đường thủy, địa chỉ: 314 Cô Bắc, Phường Cô Giang, Quận 1 | 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định | 70.000 VNĐ/1 lần cấp |

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|----------------|-----------|
|----------------|--------------------|-------------|-----------|----------------|-----------|

| Bước công việc | Nội dung công việc                               | Trách nhiệm                                            | Thời gian                   | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                                       | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1             | Nộp hồ sơ                                        | Tổ chức, cá nhân                                       | Giờ hành chính              | Theo mục I                                                                                                                           | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|                | Kiểm tra hồ sơ                                   | Bộ phận Một cửa                                        |                             | Theo mục I<br>BM 01<br>BM 02<br>BM 03                                                                                                | <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ theo BM 03</p> |
| B2             | Tiếp nhận hồ sơ                                  | Bộ phận Một cửa                                        | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I<br>BM 01                                                                                                                  | Chuyển giao hồ sơ đến Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| B3             | Phân công thụ lý hồ sơ                           | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy    | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I<br>BM 01                                                                                                                  | Phòng Chuyên môn và phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| B4             | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Chuyên viên Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy | 01 ngày làm việc            | Theo mục I<br>BM 01<br>Tờ trình, dự thảo giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời | <p>- Chuyên viên thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ: Lập tờ trình đề xuất giải quyết TTHC, dự thảo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời từ chối nêu rõ lý do.</p> <p>-Trình lãnh đạo Phòng xem xét</p>                                                                                               |
| B5             | Xem xét, trình ký                                | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng                          | 0,5 ngày làm việc (04 giờ)  | Theo mục I<br>BM 01<br>Dự thảo Giấy                                                                                                  | - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký tờ trình, ký nháy giấy chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| Bước công việc | Nội dung công việc                           | Trách nhiệm           | Thời gian                  | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                          | Diễn giải                                                                                                                                                                |
|----------------|----------------------------------------------|-----------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                |                                              | kiểm phương tiện thủy |                            | chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời                                  | nhận đăng ký phương tiện thủy, phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.<br>- Trình lãnh đạo Sở duyệt ký                                                        |
| B6             | Duyệt ký                                     | Lãnh đạo Sở           | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I BM 01<br>Dự thảo Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời | - Xem xét hồ sơ, Ký Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời                                                          |
| B7             | Phát hành văn bản                            | Chuyên viên thụ lý    | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I BM 01<br>Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời         | - Photo, đóng dấu, phát hành Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy. Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.<br>- Chuyển đến Bộ phận một cửa của Trung tâm. |
| B8             | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Một cửa       | Theo giấy hẹn              | Kết quả                                                                                                                 | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân<br>- Thống kê, theo dõi lưu hồ sơ theo quy định                                                                                       |

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                                    |
|-----|---------|-----------------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.                    |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ                     |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ                    |
| 4   | BM 04   | Mẫu Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa chưa khai thác |

#### V. HỒ SƠ CÀN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                 |
|-----|---------|----------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ  |

|   |       |                                                       |
|---|-------|-------------------------------------------------------|
| 3 | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ          |
| 4 | BM 04 | Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa          |
| 5 | //    | Sổ theo dõi hồ sơ                                     |
| 6 | //    | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ            |
| 7 | //    | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

## **VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)

**Kính gửi:** .....  
 - Tổ chức, cá nhân đăng ký: .....  
 (Đại diện cho các đồng sở hữu ..... )  
 - Trụ sở chính (1): .....  
 - Điện thoại: .....Email: .....

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa  
với đặc điểm cơ bản như sau:**

|                                                            |                               |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| Tên phương tiện: .....                                     | Số đăng ký: .....             |
| Công dụng: .....                                           | Ký hiệu thiết kế: .....       |
| Năm và nơi đóng: .....                                     |                               |
| Cấp tàu: .....                                             | Vật liệu vỏ: .....            |
| Chiều dài thiết kế: ..... m                                | Chiều dài lớn nhất: ..... m   |
| Chiều rộng thiết kế: ..... m                               | Chiều rộng lớn nhất: ..... m  |
| Chiều cao mạn: ..... m                                     | Chiều chìm: ..... m           |
| Mạn khô: ..... m                                           | Trọng tải toàn phần: .... tấn |
| Số người được phép chở: .... người                         | Sức kéo, đẩy: ..... tấn       |
| Máy chính (Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất: ..... |                               |

Máy phụ (Nếu có):.....  
 Phương tiện này được (Mua lại, hoặc điều chuyển ...):.....  
 từ (Ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị).....  
 Địa chỉ:.....  
 Đã đăng ký tại..... ngày .....tháng .....năm 20.....  
 Nay đề nghị ..... đăng ký lại phương tiện

trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

..... ngày.....tháng.....năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN <sup>(2)</sup>**

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.



## QUY TRÌNH

Đăng ký tại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác  
(Bản hồ sơ kèm theo Quyết định số **2621** /QĐ-UBND ngày **22** tháng **7** năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

### I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| STT                                                                    | Tên hồ sơ                                                                                                                                                            | Số lượng | Ghi chú   |
|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|
| <b>A. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:</b> |                                                                                                                                                                      |          |           |
| 01                                                                     | Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (theo mẫu)                                                                                                              | 01       | Bản chính |
| 02                                                                     | Ảnh khô 10x15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi                                                                                              | 02       | Bản chính |
| 03                                                                     | Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó                                  | 01       | Bản chính |
| <b>B. Giấy tờ xuất trình để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:</b>  |                                                                                                                                                                      |          |           |
| 04                                                                     | Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra. | 01       | Bản chính |

### II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả                                                                 | Thời gian xử lý                                        | Lệ phí               |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|
| Bộ phận Một cửa - Trung tâm Quản lý Đường thủy, địa chỉ: 314 Cô Bắc, Phường Cô Giang, Quận 1 | 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định | 70.000 VNĐ/1 lần cấp |

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm      | Thời gian      | Hồ sơ/Biểu mẫu                        | Diễn giải                                                                                                                                                            |
|----------------|--------------------|------------------|----------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1             | Nộp hồ sơ          | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I                            | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)                                                                                                                |
|                | Kiểm tra hồ sơ     | Bộ phận Một cửa  |                | Theo mục I<br>BM 01<br>BM 02<br>BM 03 | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2.<br>- Trường hợp hồ sơ |

| Bước công việc | Nội dung công việc                                      | Trách nhiệm                                            | Thời gian                   | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                                    | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                |                                                         |                                                        |                             |                                                                                                                                   | chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.<br>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ theo BM 03                                                                             |
| B2             | <b>Tiếp nhận hồ sơ</b>                                  | Bộ phận Một cửa                                        | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I BM 01                                                                                                                  | Chuyển giao hồ sơ đến Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy                                                                                                                                                                                                                |
| B3             | <b>Phân công thụ lý hồ sơ</b>                           | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy    | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I BM 01                                                                                                                  | Phòng Chuyên môn phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ                                                                                                                                                                                                                  |
| B4             | <b>Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC</b> | Chuyên viên Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy | 01 ngày làm việc            | Theo mục I BM 01<br>Tờ trình, dự thảo giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời | - Chuyên viên thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ: Lập tờ trình đề xuất giải quyết TTHC, dự thảo giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời từ chối nêu rõ lý do.<br>- Trình lãnh đạo Phòng xem xét |
| B5             | <b>Xem xét, trình ký</b>                                | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy    | 0,5 ngày làm việc (04 giờ)  | Theo mục I BM 01<br>Dự thảo Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.          | - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký tờ trình, ký nháy giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.<br>- Trình lãnh đạo Sở duyệt ký.                                                                                              |



| Bước công việc | Nội dung công việc                           | Trách nhiệm        | Thời gian                  | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                           | Diễn giải                                                                                                                                                                |
|----------------|----------------------------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B6             | Duyệt ký                                     | Lãnh đạo Sở        | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I BM 01<br>Dự thảo Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời. | Xem xét hồ sơ, Ký Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.                                                           |
| B7             | Phát hành văn bản                            | Chuyên viên thụ lý | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I BM 01<br>Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy, Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.         | - Photo, đóng dấu, phát hành Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy. Phiếu báo đóng thuế trước bạ hoặc văn bản trả lời.<br>- Chuyển đến Bộ phận một cửa của Trung tâm. |
| B8             | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Một cửa    | Theo giấy hẹn              | Kết quả                                                                                                                  | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân<br>- Thống kê, theo dõi lưu hồ sơ theo quy định                                                                                       |

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                                    |
|-----|---------|-----------------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.                    |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ                     |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ                    |
| 4   | BM 04   | Mẫu Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa chưa khai thác |

#### V. HỒ SƠ CÀN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                          |
|-----|---------|-------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.          |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ           |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ          |
| 4   | BM 04   | Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa          |
| 5   | //      | Sổ theo dõi hồ sơ                                     |
| 6   | //      | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ            |
| 7   | //      | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |



## **VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện chỉ thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: .....

(Đại diện cho các đồng sở hữu .. )

- Trụ sở chính (1): .....

- Điện thoại: .....Email: .....

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Do .....cấp ngày ..... tháng..... năm 20 .....

Có đặc điểm cơ bản như sau:

Ký hiệu thiết kế: ..... Cấp tàu: .....

Công dụng: ..... Vật liệu vỏ:.....

Năm và nơi đóng: .....

Chiều dài thiết kế:..... m Chiều dài lớn nhất: .... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: .... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: ..... m

Mạn khô:..... m Trọng tải toàn phần:.....tấn

Số người được phép chở:.... người Sức kéo, đẩy: ..tấn

Máy chính (Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):.....

.....

Máy phụ (Nếu có):.....

Nay đề nghị đăng ký lại phương tiện trên theo địa chỉ mới là .....

.....

.....

(Nêu lý do thay đổi địa chỉ)

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

..... ngày.....tháng.....năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN <sup>(2)</sup>**

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.



## QUY TRÌNH

### Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2621** /QĐ-UBND ngày **22** tháng **7** năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

#### I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| STT                                                                    | Tên hồ sơ                                                                                                                                                            | Số lượng | Ghi chú   |
|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|
| <b>A. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:</b> |                                                                                                                                                                      |          |           |
| 01                                                                     | Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (theo mẫu)                                                                                                              | 01       | Bản chính |
| 02                                                                     | Ảnh khổ 10x15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi                                                                                              | 02       | Bản chính |
| 03                                                                     | Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.                                         | 01       | Bản chính |
| <b>B. Giấy tờ xuất trình để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:</b>  |                                                                                                                                                                      |          |           |
| 05                                                                     | Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra. | 01       | Bản chính |

## II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả                                                                 | Thời gian xử lý                                        | Lệ phí               |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|
| Bộ phận Một cửa - Trung tâm Quản lý Đường thủy, địa chỉ: 314 Cô Bắc, Phường Cô Giang, Quận 1 | 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định | 70.000 VNĐ/1 lần cấp |

## III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm      | Thời gian      | Hồ sơ/Biểu mẫu                        | Diễn giải                                                                                                                                                                                  |
|----------------|--------------------|------------------|----------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1             | Nộp hồ sơ          | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I                            | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)                                                                                                                                      |
|                | Kiểm tra hồ sơ     | Bộ phận Một cửa  |                | Theo mục I<br>BM 01<br>BM 02<br>BM 03 | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2.<br>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa |

| Bước công việc | Nội dung công việc                                      | Trách nhiệm                                            | Thời gian                   | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                                  | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                |                                                         |                                                        |                             |                                                                                                                                 | <p>hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ theo BM 03</p>                                                                    |
| B2             | <b>Tiếp nhận hồ sơ.</b>                                 | Bộ phận Một cửa                                        | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I BM 01                                                                                                                | Chuyển giao hồ sơ đến Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy                                                                                                                                                                                            |
| B3             | <b>Phân công thụ lý hồ sơ</b>                           | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy    | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I BM 01                                                                                                                | Phòng Chuyên môn phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ                                                                                                                                                                                              |
| B4             | <b>Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC</b> | Chuyên viên Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy | 01 ngày làm việc            | <p>Theo mục I BM 01</p> <p>Tờ trình, dự thảo giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời từ chối (nếu có)</p> | <p>- Chuyên viên thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ: Lập tờ trình đề xuất giải quyết TTHC, dự thảo giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời từ chối nêu rõ lý do.</p> <p>-Trình lãnh đạo Phòng xem xét</p> |
| B5             | <b>Xem xét, trình ký</b>                                | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy    | 0,5 ngày làm việc (04 giờ)  | <p>Theo mục I BM 01</p> <p>Dự thảo giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời từ chối (nếu có)</p>           | <p>- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký tờ trình, ký nháy giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời</p> <p>- Trình lãnh đạo Sở duyệt ký</p>                                                                                               |
| B6             | <b>Duyệt ký</b>                                         | Lãnh đạo Sở                                            | 0,5 ngày làm việc (04 giờ)  | <p>Theo mục I BM 01</p> <p>Dự thảo giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời từ chối (nếu có)</p>           | Xem xét hồ sơ, ký Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy.                                                                                                                                                                                                 |



| Bước công việc | Nội dung công việc                                  | Trách nhiệm        | Thời gian                  | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                    | Diễn giải                                                                                                                                   |
|----------------|-----------------------------------------------------|--------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B7             | <b>Phát hành văn bản</b>                            | Chuyên viên thụ lý | 0,5 ngày làm việc (04 giờ) | Theo mục I BM 01<br>Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời | - Photo, đóng dấu, phát hành Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời .<br>- Chuyển đến Bộ phận Một cửa của Trung tâm. |
| B8             | <b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận Một cửa    | Theo giấy hẹn              | Kết quả                                                                           | -Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân<br>-Thống kê, theo dõi lưu hồ sơ theo quy định                                                            |

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                 |
|-----|---------|----------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ  |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ |

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                          |
|-----|---------|-------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.          |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ           |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ          |
| 4   | BM 04   | Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa          |
| 5   | //      | Sổ theo dõi hồ sơ                                     |
| 6   | //      | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ            |
| 7   | //      | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

#### VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ**  
**PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: .....  
(Đại diện cho các đồng sở hữu ..... )

- Trụ sở chính (1): .....

- Điện thoại: .....Email: .....

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Do .....cấp ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

Có đặc điểm cơ bản như sau:

Ký hiệu thiết kế: ..... Cấp tàu: .....

Công dụng: ..... Vật liệu vỏ: .....

Năm và nơi đóng: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: ..... m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: .... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

.....

Máy phụ (Nếu có): .....

Nay đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa với lý do: .....

.....

.....

.....

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

..... ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN <sup>(2)</sup>**

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

## QUY TRÌNH

### Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

#### I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| STT | Tên hồ sơ                                                     | Số lượng | Ghi chú   |
|-----|---------------------------------------------------------------|----------|-----------|
| 01  | Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (theo mẫu)   | 01       | Bản chính |
| 02  | Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp. | 01       | Bản chính |

#### II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả                                                                 | Thời gian xử lý                                        | Lệ phí               |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|
| Bộ phận một cửa - Trung tâm Quản lý Đường thủy, địa chỉ: 314 Cô Bắc, Phường Cô Giang, Quận 1 | 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định | 70.000 VNĐ/1 lần cấp |

#### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm      | Thời gian      | Hồ sơ/Biểu mẫu                        | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----------------|--------------------|------------------|----------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1             | Nộp hồ sơ          | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I                            | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                | Kiểm tra hồ sơ     | Bộ phận Một cửa  |                | Theo mục I<br>BM 01<br>BM 02<br>BM 03 | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2.</li><li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li><li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ theo BM 03</li></ul> |

| Bước công việc | Nội dung công việc                                      | Trách nhiệm                                            | Thời gian                   | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                   | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                            |
|----------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B2             | <b>Tiếp nhận hồ sơ</b>                                  | Bộ phận Một cửa                                        | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I BM 01                                                                                                 | Chuyển giao hồ sơ đến Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy                                                                                                                                                                                     |
| B3             | <b>Phân công thụ lý hồ sơ</b>                           | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy    | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I BM 01                                                                                                 | Phòng Chuyên môn phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ                                                                                                                                                                                       |
| B4             | <b>Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC</b> | Chuyên viên Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy | 01 ngày làm việc            | Theo mục I BM 01<br>Tờ trình, Dự thảo giấy chứng nhận xóa Đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời (nếu có) | - Chuyên viên thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ: Lập tờ trình đề xuất giải quyết TTHC, dự thảo giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời từ chối nêu rõ lý do.<br>-Trình lãnh đạo Phòng xem xét |
| B5             | <b>Xem xét, trình ký</b>                                | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy    | 0,5 ngày làm việc (04 giờ)  | Theo mục I BM 01<br>Dự thảo giấy chứng nhận xóa Đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời (nếu có)           | - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký tờ trình, ký nháy giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời<br>- Trình lãnh đạo Sở duyệt ký                                                                                               |
| B6             | <b>Duyệt ký</b>                                         | Lãnh đạo Sở                                            | 0,5 ngày làm việc (04 giờ)  | Theo mục I BM 01<br>Dự thảo giấy chứng nhận xóa Đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời (nếu có)           | - Xem xét hồ sơ, ký Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời                                                                                                                                                                |
| B7             | <b>Phát hành văn bản</b>                                | Chuyên viên thụ lý.                                    | 0,5 ngày làm việc (04 giờ)  | Theo mục I BM 01<br>Dự thảo giấy chứng nhận xóa Đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời (nếu có)           | -Photo, đóng dấu, phát hành Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời.<br>- Chuyển đến Bộ phận một cửa của Trung tâm.                                                                                                        |



| Bước công việc | Nội dung công việc                           | Trách nhiệm     | Thời gian     | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải                                                                         |
|----------------|----------------------------------------------|-----------------|---------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| B8             | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Một cửa | Theo giấy hẹn | Kết quả        | -Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.<br>-Thống kê, theo dõi lưu hồ sơ theo quy định |

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                         |
|-----|---------|------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.         |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ          |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ         |
| 4   | BM 04   | Mẫu Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa |

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                          |
|-----|---------|-------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.          |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ           |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ          |
| 4   | BM 04   | Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa      |
| 5   | //      | Sổ theo dõi hồ sơ                                     |
| 6   | //      | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ            |
| 7   | //      | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

#### VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA****Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: .....

(Đại diện cho các đồng sở hữu ..... )

- Trụ sở chính (1): .....

- Điện thoại: .....Email: .....

**Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa  
với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế:.....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế:..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất:..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm:..... m

Mạn khô:..... m Trọng tải toàn phần:.....tấn

Số người được phép chở:.... người Sức kéo, đẩy:.....tấn

Máy chính (Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất: .....

.....

Máy phụ (Nếu có):.....

Nay đề nghị..... xóa đăng ký phương tiện  
trên.

Lý do xóa đăng ký: .....

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương  
tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng  
phương tiện.

..... ngày.....tháng.....năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN <sup>(2)</sup>**

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi  
đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường  
trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.



## QUY TRÌNH

### Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

Ban hành kèm theo Quyết định số **2621** /QĐ-UBND ngày **22** tháng **7** năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

#### I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| STT | Tên hồ sơ                                                     | Số lượng | Ghi chú   |
|-----|---------------------------------------------------------------|----------|-----------|
| 01  | Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (theo mẫu)   | 01       | Bản chính |
| 02  | Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp. | 01       | Bản chính |

#### II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả                                                                 | Thời gian xử lý                                        | Lệ phí               |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|
| Bộ phận một cửa - Trung tâm Quản lý Đường thủy, địa chỉ: 314 Cô Bắc, Phường Cô Giang, Quận 1 | 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định | 70.000 VNĐ/1 lần cấp |

#### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm      | Thời gian      | Hồ sơ/Biểu mẫu                        | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----------------|--------------------|------------------|----------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1             | Nộp hồ sơ          | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I                            | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                | Kiểm tra hồ sơ     | Bộ phận Một cửa  |                | Theo mục I<br>BM 01<br>BM 02<br>BM 03 | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2.</li><li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li><li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ theo BM 03</li></ul> |

| Bước công việc | Nội dung công việc                                      | Trách nhiệm                                            | Thời gian                   | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                   | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                            |
|----------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B2             | <b>Tiếp nhận hồ sơ</b>                                  | Bộ phận Một cửa                                        | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I BM 01                                                                                                 | Chuyển giao hồ sơ đến Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy                                                                                                                                                                                     |
| B3             | <b>Phân công thụ lý hồ sơ</b>                           | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy    | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I BM 01                                                                                                 | Phòng Chuyên môn phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ                                                                                                                                                                                       |
| B4             | <b>Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC</b> | Chuyên viên Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy | 01 ngày làm việc            | Theo mục I BM 01<br>Tờ trình, Dự thảo giấy chứng nhận xóa Đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời (nếu có) | - Chuyên viên thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ: Lập tờ trình đề xuất giải quyết TTHC, dự thảo giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời từ chối nêu rõ lý do.<br>-Trình lãnh đạo Phòng xem xét |
| B5             | <b>Xem xét, trình ký</b>                                | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy    | 0,5 ngày làm việc (04 giờ)  | Theo mục I BM 01<br>Dự thảo giấy chứng nhận xóa Đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời (nếu có)           | - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký tờ trình, ký nháy giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời<br>- Trình lãnh đạo Sở duyệt ký                                                                                               |
| B6             | <b>Duyệt ký</b>                                         | Lãnh đạo Sở                                            | 0,5 ngày làm việc (04 giờ)  | Theo mục I BM 01<br>Dự thảo giấy chứng nhận xóa Đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời (nếu có)           | - Xem xét hồ sơ, ký Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời                                                                                                                                                                |
| B7             | <b>Phát hành văn bản</b>                                | Chuyên viên thụ lý.                                    | 0,5 ngày làm việc (04 giờ)  | Theo mục I BM 01<br>Dự thảo giấy chứng nhận xóa Đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời (nếu có)           | -Photo, đóng dấu, phát hành Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy hoặc văn bản trả lời.<br>- Chuyển đến Bộ phận một cửa của Trung tâm.                                                                                                        |



| Bước công việc | Nội dung công việc                                  | Trách nhiệm     | Thời gian     | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải                                                                         |
|----------------|-----------------------------------------------------|-----------------|---------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| B8             | <b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận Một cửa | Theo giấy hẹn | Kết quả        | -Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.<br>-Thống kê, theo dõi lưu hồ sơ theo quy định |

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                         |
|-----|---------|------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.         |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ          |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ         |
| 4   | BM 04   | Mẫu Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa |

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                          |
|-----|---------|-------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.          |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ           |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ          |
| 4   | BM 04   | Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa      |
| 5   | //      | Sổ theo dõi hồ sơ                                     |
| 6   | //      | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ            |
| 7   | //      | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

#### VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA****Kính gửi:** .....- Tổ chức, cá nhân đăng ký: .....  
(Đại diện cho các đồng sở hữu ..... )

- Trụ sở chính (1): .....

- Điện thoại: .....Email: .....

**Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa  
với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế:.....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế:..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất:..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm:..... m

Mạn khô:..... m Trọng tải toàn phần:.....tấn

Số người được phép chở:.... người Sức kéo, đẩy:.....tấn

Máy chính (Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất: .....

.....

Máy phụ (Nếu có):.....

Nay đề nghị..... xóa đăng ký phương tiện  
trên.

Lý do xóa đăng ký: .....

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

..... ngày.....tháng.....năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN <sup>(2)</sup>**

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.



## QUY TRÌNH

Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật  
và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2621** /QĐ-UBND ngày **22** tháng **7** năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

### I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| STT | Tên hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số lượng | Ghi chú   |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|
| 01  | Giấy đề nghị kiểm tra phương tiện thủy nội địa (theo mẫu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 01       | Bản chính |
| 02  | <p>Hồ sơ kỹ thuật của phương tiện, quy định như sau:</p> <p>+ Hồ sơ thiết kế đã được thẩm định (Đối với phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi hoặc phương tiện đã đóng mà không có sự giám sát của đăng kiểm).</p> <p>+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa đã được cấp khi thực hiện kiểm tra phương tiện (Đối với phương tiện đang khai thác).</p> <p>+ Hồ sơ thiết kế chuyển đổi tàu biển thành phương tiện thủy nội địa đã được thẩm định và Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển Việt Nam (Đối với phương tiện chuyển đổi tàu biển thành phương tiện thủy nội địa).</p> | 01       | Bản chính |

### II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả                                                                | Thời gian xử lý                                                                                                                 | Lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bộ phận Một cửa -Trung tâm Quản lý Đường thủy, địa chỉ: 314 Cô Bắc, Phường Cô Giang, Quận 1 | Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận và xử lý công việc (sau khi kết thúc công việc kiểm tra tại hiện trường) . | <p>- Giá kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện: thu theo từng loại hình kiểm định (theo Thông tư số 237/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).</p> <p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa: 50.000 đồng/giấy (theo</p> |

|  |  |                                                                                  |
|--|--|----------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính |
|--|--|----------------------------------------------------------------------------------|

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc                                                      | Trách nhiệm                                               | Thời gian                   | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                          | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1             | Nộp hồ sơ                                                               | Tổ chức, cá nhân                                          | Giờ hành chính              | Theo mục I                                                              | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                | Kiểm tra hồ sơ                                                          | Bộ phận Một cửa                                           |                             | Theo mục I<br>BM 01<br>BM 02<br>BM 03                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ theo BM 03</li> </ul> |
| B2             | Tiếp nhận hồ sơ                                                         | Bộ phận Một cửa                                           | 0.25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I<br>BM 01                                                     | <p>Tiếp nhận hồ sơ theo quy định</p> <p>Chuyển giao hồ sơ đến Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| B3             | Phân công Đăng kiểm viên                                                | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy       | 0.25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I<br>BM 01                                                     | Phòng Chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công Đăng kiểm viên thụ lý hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| B4             | Kiểm tra giám sát kỹ thuật phương tiện tại hiện trường, đề xuất kết quả | Đăng kiểm viên phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy | 0.25 ngày làm việc (02 giờ) | Theo mục I<br>BM 01<br>Biên bản kiểm tra hiện trường<br>Dự thảo kết quả | <p>Đăng kiểm viên kiểm tra phương tiện tại hiện trường:</p> <p>-Nếu đạt theo tiêu chuẩn kỹ thuật tiến hành lập báo cáo kiểm tra</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |



| Bước công việc | Nội dung công việc                                  | Trách nhiệm                           | Thời gian                    | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                    | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                               |
|----------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                | <b>giải quyết TTHC</b>                              |                                       |                              |                                                                                                                   | <p>-Nếu không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật hướng dẫn chủ phương tiện thực hiện lại theo đề nghị.</p> <p>- Lập các báo cáo kiểm tra kỹ thuật, Giấy chứng nhận kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.Trình lãnh đạo Phòng xem xét</p> |
| B5             | <b>Xem xét, trình ký</b>                            | Lãnh đạo Phòng Đăng ký – Đăng kiểm    | 0.125 ngày làm việc (01 giờ) | Theo mục I BM 01 Dự thảo kết quả                                                                                  | <p>Lãnh đạo phòng soát xét hồ sơ, giấy chứng nhận kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa hoặc văn bản trả lời.</p> <p>Chuyển trình lãnh đạo Trung tâm duyệt ký</p>                                     |
| B6             | <b>Duyệt ký</b>                                     | Lãnh đạo Trung tâm Quản lý đường thủy | 0.125 ngày làm việc (01 giờ) | Theo mục I BM 01 Giấy Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa (SI-01B, HSCN-05) | <p>- Xem xét hồ sơ, Ký duyệt hồ sơ cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa (SI-01B, HSCN-05)</p> <p>- Chuyển nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm.</p>                                              |
| B7             | <b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận Một cửa                       | Theo giấy hẹn                | Kết quả                                                                                                           | <p>- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân</p> <p>- Thống kê, theo dõi lưu hồ sơ theo quy định</p>                                                                                                                                           |

**IV. BIỂU MẪU :** Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc (theo Thông tư số 15/2013/TT-BGTVT ngày 26 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về biểu mẫu giấy chứng nhận và sổ kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                   |
|-----|---------|------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.   |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ    |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ   |
| 4   | BM 04   | Giấy đề nghị kiểm tra phương tiện thủy nội địa |

## V. HỒ SƠ CÀN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                   |
|-----|---------|------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.   |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ    |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ   |
| 4   | BM 04   | Giấy đề nghị kiểm tra phương tiện thủy nội địa |
| 5   | //      | Thành phần hồ sơ tại phụ lục I                 |
| 6   | //      | Các thành phần hồ sơ khác                      |

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 237/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng  
 Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN PHƯƠNG TIỆN  
 THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: Phòng Đăng ký – Đăng kiểm phương tiện thủy

Tổ chức, cá nhân đề nghị: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

Đề nghị Cơ quan Đăng kiểm kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và  
 bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa cho phương tiện sau:

Tên tàu: ..... /

Số thẩm định thiết kế: .....

Số ĐKHC/ Số Đăng kiểm (\*): ...../ .....

Nội dung kiểm tra:

.....

Thời gian dự kiến kiểm tra: .....

Địa điểm kiểm tra: .....

Tên Tổ chức/cá nhân trả phí đăng kiểm: .....

Địa chỉ, số điện thoại, số fax: .....

Mã số thuế: .....

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí cấp giấy chứng nhận theo quy định  
 hiện hành.

**Đơn vị đề nghị**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)*

*(\*) Áp dụng cho phương tiện đang khai thác.*



## QUY TRÌNH

**Cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định an toàn kỹ thuật  
và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1621/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm của Chủ tịch Ủy ban  
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

### I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| STT | Tên hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số lượng | Ghi chú   |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|
| 01  | Giấy đăng ký xe                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 01       | Bản chính |
|     | Hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau đề xuất trình:<br>- Giấy đăng ký xe có sao y chứng thực, giấy biên nhận thể chấp xác nhận của ngân hàng đang cầm giữ;<br>- Giấy đăng ký xe có sao y chứng thực, giấy biên nhận thể chấp xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính.<br>- Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe.                                                                                |          | Bản chính |
| 02  | Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 01       | Bản chính |
| 03  | Giấy tờ chứng minh nguồn gốc phương tiện, gồm một trong các giấy tờ sau:<br>- Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe cơ giới sản xuất, lắp ráp trong nước; - Quyết định tịch thu bán đấu giá của cấp có thẩm quyền đối với xe cơ giới bị tịch thu bán đấu giá;<br>- Quyết định thanh lý đối với xe cơ giới của lực lượng quốc phòng, công an;<br>- Quyết định bán xe dự trữ Quốc gia. | 01       | Bản sao   |
| 04  | Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo).                                                                                                                                                                                                                                                                          | 01       | Bản chính |

### II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả                                                                                                                                | Thời gian xử lý                             | Lệ phí                                                                                                                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bộ phận Một cửa – Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 50-01S, địa chỉ: Lô số 13, đường số 7, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh | Trong ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Có (tại Điều 3 Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Điều 3 Thông tư 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) |

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm      | Thời gian        | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải                   |
|----------------|--------------------|------------------|------------------|----------------|-----------------------------|
| B1             | Nộp hồ sơ          | Tổ chức, cá nhân | 05 phút làm việc | Theo mục I     | Thành phần hồ sơ theo mục I |



| Bước công việc | Nội dung công việc                                                   | Trách nhiệm               | Thời gian        | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                                                                                               | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                | <b>Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ</b>                                     | Nhân viên Bộ phận một cửa |                  | Theo mục I                                                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: lập Phiếu theo dõi hồ sơ, thu thập thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang WEB quản lý thiết bị giám sát hành trình đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</li> <li>- Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ với dữ liệu trên Chương trình Quản lý kiểm định, chuyển giao hồ sơ đến đăng kiểm viên.</li> </ul> |
| B2             | <b>Kiểm tra, đánh giá phương tiện, lập biên bản kiểm tra lần đầu</b> | Nhân viên Bộ phận một cửa | 25 phút làm việc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo mục I</li> <li>- Phiếu hồ sơ phương tiện; phiếu kiểm định; thông báo khiếm khuyết; dự thảo Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra các thông số kỹ thuật, thông tin hành chính lập Phiếu hồ sơ phương tiện.</li> <li>- Chụp hình tổng thể xe và ảnh biển số đăng ký của xe cơ giới, kiểm định các hạng mục lập phiếu kiểm định theo quy định.</li> <li>- Trường hợp phương tiện có hạng mục khiếm khuyết, hư hỏng, lập thông báo gửi cho chủ xe những khiếm khuyết, hư hỏng để sửa chữa, khắc phục, kiểm định lại.</li> <li>- Dự thảo Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.</li> <li>- Trình hồ sơ cho Lãnh đạo Trung tâm ký duyệt</li> </ul>     |
| B3             | <b>Soát xét kết quả TTHC, ký duyệt</b>                               | Lãnh đạo Trung tâm        | 02 phút làm việc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo mục I</li> <li>- Phiếu hồ sơ phương tiện; phiếu kiểm định; Giấy</li> </ul>                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Trung tâm xem xét hồ sơ và ký duyệt hồ sơ kiểm định và hồ sơ phương tiện.</li> <li>- Chuyển hồ sơ cho nhân</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| Bước công việc | Nội dung công việc                                                                                                                                                                        | Trách nhiệm               | Thời gian        | Hồ sơ/Biểu mẫu                                            | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                |                                                                                                                                                                                           |                           |                  | chứng nhận kiểm định                                      | viên nghiệp vụ phát hành văn bản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| B4             | <b>Phát hành văn bản; trả kết quả, in thông báo phát hành hóa đơn điện tử, lưu hồ sơ; dán tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ</b> | Nhân viên Bộ phận một cửa | 10 phút làm việc | Hóa đơn điện tử, Hồ sơ và tem kiểm định đã được phê duyệt | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng dấu, photo hồ sơ kiểm định, hồ sơ phương tiện.</li> <li>- Trả Giấy chứng nhận kiểm định; thông báo phát hành hóa đơn điện tử về thu phí đăng kiểm, lệ phí cấp Giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe.</li> <li>- Nhân viên dán tem Trung tâm trực tiếp dán tem các phương tiện đã hoàn tất các bước nêu trên.</li> </ul> |

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                         |
|-----|---------|------------------------------------------------------|
| 1   | BM-01   | Phiếu theo dõi hồ sơ                                 |
| 2   | BM-02   | Thông báo hạng mục, khiếm khuyết, hư hỏng            |
| 3   | BM-03   | Thông báo phát hành Hóa đơn điện tử về phí kiểm định |

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                          |
|-----|---------|-------------------------------------------------------|
| 1   | BM-01   | Phiếu theo dõi hồ sơ                                  |
| 2   | BM-04   | Phiếu kiểm định                                       |
| 3   | BM-05   | Phiếu lập hồ sơ phương tiện                           |
| 4   | BM-06   | Giấy chứng nhận                                       |
| 5   | BM-07   | Tem kiểm định                                         |
| 6   | //      | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

#### VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư 70/2015/TT-BGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) Quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất

lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.



## QUY TRÌNH

**Cấp giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng  
bốn bánh có gắn động cơ**

*(Bản hành kèm theo Quyết định số 2621 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| STT | Tên hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Số lượng | Ghi chú   |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|
|     | Giấy đăng ký xe                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 01       | Bản chính |
| 01  | Hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau đề xuất trình:<br>- Giấy đăng ký xe có sao y chứng thực, giấy biên nhận thể chấp xác nhận của ngân hàng đang cầm giữ;<br>- Giấy đăng ký xe có sao y chứng thực, giấy biên nhận thể chấp xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính;<br>- Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe. | 01       | Bản chính |
| 02  | Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.                                                                                                                                                                                                                                    | 01       | Bản chính |
| 03  | Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với trường hợp kiểm tra lưu hành lần đầu của các xe có đăng ký lần đầu sau ngày 01/7/2014).                                                                                                                                                                           | 01       | Bản sao   |
| 04  | Giấy chứng nhận lưu hành của lần kiểm tra trước (đối với trường hợp kiểm tra lưu hành các lần tiếp theo)                                                                                                                                                                                                        | 01       | Bản chính |

### II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả                                                                                                                                | Thời gian xử lý                             | Lệ phí                                                                                                                                                                              |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bộ phận Một cửa – Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 50-01S, địa chỉ: Lô số 13, đường số 7, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh | Trong ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | <b>CÓ</b> (tại Điều 3 Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Điều 3 Thông tư 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) |

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc        | Trách nhiệm               | Thời gian      | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải                                                                                                                                                           |
|----------------|---------------------------|---------------------------|----------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1             | Nộp hồ sơ                 | Tổ chức, cá nhân          | Giờ hành chính | Theo mục I     | Thành phần hồ sơ theo mục I                                                                                                                                         |
|                | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ | Nhân viên Bộ phận một cửa |                | Theo mục I     | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Phiếu theo dõi hồ sơ.<br>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ |



| Bước công việc | Nội dung công việc                                                                                                                         | Trách nhiệm               | Thời gian        | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                                                                      | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                |                                                                                                                                            |                           |                  |                                                                                                                                                                     | <p>sơ theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ với dữ liệu trên Chương trình Quản lý kiểm định, chuyển giao hồ sơ đến đăng kiểm viên.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| B2             | <b>Kiểm tra, đánh giá phương tiện, lập biên bản kiểm tra lần đầu</b>                                                                       | Nhân viên Bộ phận một cửa | 25 phút làm việc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo mục I</li> <li>- Phiếu kiểm định; thông báo khiếm khuyết; dự thảo Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra các thông số kỹ thuật, thông tin hành chính và lập biên bản kiểm tra lần đầu (đối với xe kiểm tra lần đầu).</li> <li>- Chụp hình tổng thể xe và ảnh biển số đăng ký của phương tiện, Kiểm định các hạng mục, lập phiếu kiểm định theo quy định.</li> <li>- Trường hợp xe kiểm định có hạng mục khiếm khuyết, hư hỏng, lập thông báo gửi cho chủ xe những khiếm khuyết, hư hỏng để sửa chữa, khắc phục, kiểm định lại.</li> <li>- Dự thảo Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.</li> <li>- Trình hồ sơ cho Lãnh đạo Trung tâm ký duyệt</li> </ul> |
| B3             | <b>Soát xét kết quả TTHC, ký duyệt</b>                                                                                                     | Lãnh đạo Trung tâm        | 02 phút làm việc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo mục I</li> <li>- Phiếu kiểm định; Giấy chứng nhận kiểm định</li> </ul>                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Trung tâm xem xét hồ sơ và ký duyệt hồ sơ kiểm định và hồ sơ phương tiện.</li> <li>- Chuyển hồ sơ cho nhân viên nghiệp vụ phát hành văn bản.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| B4             | <b>Phát hành văn bản; trả kết quả, in thông báo phát hành hóa đơn điện tử, lưu hồ sơ; dán tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi</b> | Nhân viên Bộ phận một cửa | 10 phút làm việc | Hóa đơn điện tử, Hồ sơ và tem kiểm định đã được phê duyệt                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng dấu, photo hồ sơ kiểm định, hồ sơ phương tiện.</li> <li>- Trả Giấy chứng nhận kiểm định; thông báo phát hành hóa đơn điện tử về thu phí đăng kiểm, lệ phí cấp Giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

| Bước công việc | Nội dung công việc                                 | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải                                                                                      |
|----------------|----------------------------------------------------|-------------|-----------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                | trường đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ |             |           |                | - Nhân viên dán tem Trung tâm trực tiếp dán tem các phương tiện đã hoàn tất các bước nêu trên. |

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                             |
|-----|---------|----------------------------------------------------------|
| 1   | BM-01   | Phiếu theo dõi hồ sơ (xe chở hàng 4 bánh có gắn động cơ) |
| 2   | BM-02   | Thông báo hạng mục, khiếm khuyết, hư hỏng                |
| 3   | BM-03   | Thông báo phát hành Hóa đơn điện tử về phí kiểm định     |

#### V. HỒ SƠ CÀN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                                |
|-----|---------|-------------------------------------------------------------|
| 1   | BM-01   | Phiếu theo dõi hồ sơ (xe chở hàng 4 bánh có gắn động cơ)    |
| 2   | BM-04   | Phiếu kiểm định                                             |
| 3   | BM-05   | Biên bản kiểm tra lần đầu xe chở hàng 4 bánh có gắn động cơ |
| 4   | BM-06   | Giấy chứng nhận lưu hành xe 4 bánh có gắn động cơ           |
| 5   | BM-07   | Tem lưu hành xe 4 bánh có gắn động cơ                       |
| 6   | //      | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành       |

#### VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư 16/2014/TT-BGTVT ngày 13 tháng 5 năm 2014 Quy định về điều kiện đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) Quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.



## QUY TRÌNH

Cấp giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở người bốn bánh có gắn động cơ  
(Bản hành kèm theo Quyết định số 2621 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

### I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ:

| STT | Tên hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                       | Số lượng | Ghi chú                 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------------------|
| 1   | Văn bản đề nghị kiểm tra của tổ chức, cá nhân theo quy định (theo mẫu)                                                                                                                                                                          | 01       | Bản chính               |
| 2   | Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với trường hợp Xe sản xuất, lắp ráp trong nước kiểm tra lưu hành lần đầu của các Xe có đăng ký lần đầu sau ngày Thông tư này có hiệu lực).                                                            | 01       | Bản sao                 |
| 3   | Giấy đăng ký xe                                                                                                                                                                                                                                 | 01       | Bản chính               |
|     | Hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau đề xuất trình:<br>- Giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang giữ Bản chính Giấy đăng ký xe<br>- Giấy đăng ký xe có xác nhận của cơ quan cho thuê tài chính đang giữ Bản chính Giấy đăng ký xe | 01       | Bản sao                 |
| 4   | Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới                                                                                                                                                                                  | 01       | Bản chính, còn hiệu lực |
| 5   | Văn bản chấp thuận của cơ quan địa phương có thẩm quyền về khu vực cho phép Xe của tổ chức cá nhân hoạt động                                                                                                                                    | 01       | Còn hiệu lực.           |

### II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả                                                                                      | Thời gian xử lý                             | Lệ phí                                                                                                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bộ phận Một cửa – Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 50-02S, địa chỉ: 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TPHCM. | Trong ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | <b>Có</b> (Thông tư số 238/2016/TT-BTC; Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính) |

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc                                            | Trách nhiệm               | Thời gian        | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                                                                      | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1             | Nộp hồ sơ                                                     | Tổ chức, cá nhân          | Giờ hành chính   | Theo mục I                                                                                                                                                          | Thành phần hồ sơ theo mục I                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                | Kiểm tra hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ                               | Nhân viên Bộ phận một cửa |                  | Theo mục I                                                                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Phiếu theo dõi hồ sơ (BM-Phụ lục 1), thực hiện B2.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> </ul> <p>Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ với dữ liệu trên Chương trình Quản lý kiểm định, nếu hợp lệ. Nếu không hợp lệ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện lại.</p>                                                                                                                                                                                       |
| B2             | Kiểm tra, đánh giá phương tiện, lập biên bản kiểm tra lần đầu | Nhân viên Bộ phận một cửa | 25 phút làm việc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo mục I</li> <li>- Phiếu kiểm định; thông báo khiếm khuyết; dự thảo Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra các thông số kỹ thuật, thông tin hành chính và lập biên bản kiểm tra lần đầu (đối với xe kiểm tra lần đầu).</li> <li>- Chụp hình tổng thể xe và ảnh biển số đăng ký của phương tiện, Kiểm định các hạng mục, lập phiếu kiểm định theo quy định.</li> <li>- Trường hợp xe kiểm định có hạng mục khiếm khuyết, hư hỏng, lập thông báo gửi cho chủ xe những khiếm khuyết, hư hỏng để sửa chữa, khắc phục, kiểm định lại.</li> <li>- Dự thảo Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.</li> <li>- Trình hồ sơ cho Lãnh đạo Trung tâm ký duyệt</li> </ul> |



| Bước công việc | Nội dung công việc                                                                                                                                                                     | Trách nhiệm               | Thời gian        | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                   | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B3             | Soát xét kết quả TTHC, ký duyệt                                                                                                                                                        | Lãnh đạo Trung tâm        | 02 phút làm việc | <ul style="list-style-type: none"> <li>Theo mục I</li> <li>Phiếu kiểm định; Giấy chứng nhận kiểm định</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Lãnh đạo Trung tâm xem xét hồ sơ và ký duyệt hồ sơ kiểm định và hồ sơ phương tiện.</li> <li>Chuyển hồ sơ cho nhân viên nghiệp vụ phát hành văn bản.</li> </ul>                                                                                                                                                          |
| B4             | Phát hành văn bản; trả kết quả, in thông báo phát hành hóa đơn điện tử, lưu hồ sơ; dán tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ | Nhân viên Bộ phận một cửa | 10 phút làm việc | Hóa đơn điện tử, Hồ sơ và tem kiểm định đã được phê duyệt                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đóng dấu, photo hồ sơ kiểm định, hồ sơ phương tiện.</li> <li>Trả Giấy chứng nhận kiểm định; thông báo phát hành hóa đơn điện tử về thu phí đăng kiểm, lệ phí cấp Giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe.</li> <li>Nhân viên dán tem Trung tâm trực tiếp dán tem các phương tiện đã hoàn tất các bước nêu trên.</li> </ul> |

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                                                                                                                                         |
|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Phiếu theo dõi hồ sơ (xe chở hàng bốn bánh chở người có gắn động cơ)                                                                                                 |
| 2   | BM 02   | Phiếu kiểm định                                                                                                                                                      |
| 3   | BM 03   | Biên bản kiểm tra lần đầu xe chở người bốn bánh có gắn động cơ                                                                                                       |
| 4   | BM 04   | Văn bản đề nghị kiểm tra của tổ chức, cá nhân theo quy định Tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp không đưa được Xe đến Đơn vị đăng kiểm |

#### V. HỒ SƠ CÀN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                                         |
|-----|---------|----------------------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Phiếu theo dõi hồ sơ (xe chở hàng bốn bánh chở người có gắn động cơ) |
| 2   | BM 02   | Phiếu kiểm định                                                      |

|   |       |                                                                                                                                                                      |
|---|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3 | BM 03 | Biên bản kiểm tra lần đầu xe chở người bốn bánh có gắn động cơ                                                                                                       |
| 4 | BM 04 | Văn bản đề nghị kiểm tra của tổ chức, cá nhân theo quy định Tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp không đưa được Xe đến Đơn vị đăng kiểm |
| 5 | //    | Thành phần hồ sơ theo phụ lục I                                                                                                                                      |

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế.

Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

## PHỤ LỤC VII

### MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH XE CHỖ NGƯỜI BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ  
trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên tổ chức, cá nhân

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

Vv đề nghị kiểm tra cấp giấy  
chứng nhận lưu hành cho xe bốn  
bánh chở người

Kính gửi: Đơn vị đăng kiểm .....

Căn cứ Thông tư số /2014/TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông  
vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển  
tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế;

Tên tổ chức, cá nhân .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....; Fax: .....; Email:

Hiện tại (tổ chức, cá nhân) ..... có số lượng Xe là:

Danh sách Xe

| STT | Biển số    | Số khung | Số máy (nếu có) | Ngày hết hạn |
|-----|------------|----------|-----------------|--------------|
| 1   | 29HC-12345 |          |                 |              |
| 2   |            |          |                 |              |

Đề nghị Đơn vị đăng kiểm ..... đến địa điểm: ..... từ ngày .../.../...  
đến ngày .../.../... để kiểm tra Xe cho (tổ chức, cá nhân) .....

Tổ chức, cá nhân

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

- Văn bản hướng dẫn 3843/ĐKVN-VAR của Cục Đăng kiểm Việt Nam ngày  
30/09/2019 V/v hướng dẫn thực hiện Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ  
hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm  
2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ  
tục hành chính.

**BIỂU GIÁ DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
ĐỐI VỚI XE CƠ GIỚI, THIẾT BỊ VÀ XE MÁY CHUYÊN DÙNG ĐANG LƯU HÀNH;  
ĐÁNH GIÁ, HIỆU CHUẨN THIẾT BỊ KIỂM TRA XE CƠ GIỚI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**I. Mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới đang lưu hành**

**1. Biểu 1:**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/xe*

| TT | Loại xe cơ giới                                                                                                                                                                                     | Mức giá |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1  | Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn và các loại xe ô tô chuyên dùng | 560     |
| 2  | Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 7 tấn đến 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông đến 20 tấn và các loại máy kéo    | 350     |
| 3  | Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 2 tấn đến 7 tấn                                                                                                         | 320     |
| 4  | Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông đến 2 tấn                                                                                                                    | 280     |
| 5  | Máy kéo, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và các loại phương tiện vận chuyển tương tự                                                                      | 180     |
| 6  | Rơ moóc, sơ mi rơ moóc                                                                                                                                                                              | 180     |
| 7  | Xe ô tô chở người trên 40 ghế (kể cả lái xe), xe buýt                                                                                                                                               | 350     |
| 8  | Xe ô tô chở người từ 25 đến 40 ghế (kể cả lái xe)                                                                                                                                                   | 320     |
| 9  | Xe ô tô chở người từ 10 ghế đến 24 ghế (kể cả lái xe)                                                                                                                                               | 280     |
| 10 | Xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi, xe ô tô cứu thương                                                                                                                                              | 240     |
| 11 | Xe ba bánh và các loại phương tiện vận chuyển tương tự                                                                                                                                              | 100     |





## QUY TRÌNH

Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật  
và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo Pickup (xe bán tải)

*(Bản hành kèm theo Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### I. THANH PHẦN HỒ SƠ:

| STT | Tên hồ sơ                                                                                                                                                                            | Số lượng | Ghi chú                                                                                                                  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01  | Giấy đăng ký xe                                                                                                                                                                      | 01       | Bản chính hoặc Bản sao chứng thực Giấy đăng ký phương tiện và Giấy biên nhận thể chấp hoặc Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe. |
| 02  | Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới                                                                                                                       | 01       | Bản chính, còn hiệu lực                                                                                                  |
| 03  | Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe cơ giới sản xuất, lắp ráp trong nước; Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu. | 01       | Bản sao                                                                                                                  |
| 04  | Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ                                                                              | 01       | Đối với xe đang lưu hành.                                                                                                |

### II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả                                                                                     | Thời gian xử lý                                                                                                                         | Lệ phí    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Bộ phận Một cửa – Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 50-02S, địa chỉ: 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TPHCM | Trong 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định<br><i>Quy định ba ngày làm việc, đơn vị rút ngắn còn một ngày làm việc</i> | 610.000 đ |

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm      | Thời gian      | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải                   |
|----------------|--------------------|------------------|----------------|----------------|-----------------------------|
| B1             | Nộp hồ sơ          | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I     | Thành phần hồ sơ theo mục I |

| Bước công việc | Nội dung công việc                                                    | Trách nhiệm                                  | Thời gian        | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                | Kiểm tra hồ sơ                                                        | Bộ phận một cửa                              |                  | BM 01<br>BM 02                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Phiếu theo dõi hồ sơ, thực hiện B2.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 01 .</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 02.</li> </ul> |
| B2             | Tiếp nhận hồ sơ                                                       | Nhân viên nghiệp vụ<br>Bộ phận một cửa       | 10 phút làm việc | Theo mục I                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ với dữ liệu trên Chương trình Quản lý kiểm định, Chuyển giao hồ sơ đến Phụ trách bộ phận cải tạo.                                                                                                                                                                                                                                                       |
| B3             | Kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo | Phụ trách bộ phận cải tạo<br>Bộ phận một cửa | 60 phút làm việc | <p>Theo mục I</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản kiểm tra chất lượng An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới Cải tạo;</li> <li>- Nội dung kiểm tra xe cơ giới cải tạo;</li> <li>- Phiếu cân xe</li> <li>- Hình chụp 45 độ</li> <li>- Phát hành Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định các hạng mục theo quy định lập biên bản kiểm tra chất lượng An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới Cải tạo theo quy định.</li> <li>- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo (Liên 1: Dùng cho đăng ký biển số; Liên 2: Dùng cho kiểm định.</li> </ul>                   |
| B4             | Ký duyệt                                                              | Lãnh đạo Trung tâm                           | 10 phút làm việc | <p>Theo mục I</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản kiểm tra chất lượng An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới Cải tạo;</li> <li>- Nội dung kiểm tra xe</li> </ul>                                                                                                                                                                               | Lãnh đạo Trung tâm xem xét hồ sơ và ký duyệt hồ sơ xe cơ giới cải tạo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| Bước công việc | Nội dung công việc            | Trách nhiệm                                             | Thời gian        | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                                                                                                                                                                                                                     | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                |                               |                                                         |                  | cơ giới cải tạo;<br>- Phiếu cân xe<br>- Hình chụp 45 độ<br>- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo.                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                             |
| B5             | <b>Ban hành văn bản</b>       | Nhân viên nghiệp vụ                                     | 10 phút làm việc | Theo mục I<br>- Biên bản kiểm tra Chất lượng An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường Xe cơ giới Cải tạo;<br>- Nội dung kiểm tra xe cơ giới cải tạo;<br>- Phiếu cân xe<br>- Hình chụp 45 độ<br>- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo. | Đóng dấu Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo. và photo hồ sơ xe cơ giới cải tạo, hồ sơ lưu trữ theo quy định,                                                                                               |
| B6             | <b>Trả kết quả, lưu hồ sơ</b> | Bộ phận một cửa - Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 50-02S | 10 phút làm việc | Kết quả                                                                                                                                                                                                                                                                            | - Trả kết quả cho cá nhân / tổ chức.<br>- Thống kê theo dõi, lưu trữ hồ sơ.<br>(chỉ cải tạo xe Pickup nên thường trả Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo <b>“Liên 1: Dùng cho đăng ký xe”</b> ; trong ngày) |

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                |
|-----|---------|---------------------------------------------|
| 01  | BM01    | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ |
| 02  | BM02    | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ           |
| 03  | BM03    | Biên bản kiểm tra                           |

## V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                      |
|-----|---------|---------------------------------------------------|
| 01  | BM01    | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ       |
| 02  | BM02    | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ                 |
| 03  | BM03    | Biên bản kiểm tra                                 |
| 04  | //      | Thành phần hồ sơ theo phụ lục I                   |
| 05  | //      | Kết quả giải quyết                                |
| 06  | //      | Các thành phần hồ sơ khác theo quy định hiện hành |

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải; Thông tư Quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.





## QUY TRÌNH

Cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật

về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng

(Bản hành kèm theo Quyết định số **2621** /QĐ-UBND ngày **22** tháng **7** năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

### I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| STT | Tên hồ sơ                                                                          | Số lượng | Ghi chú   |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|
| 01  | Đơn đề nghị dự học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (theo mẫu) | 01       | Bản chính |
| 02  | 03 (ba) ảnh màu cỡ 2 x 3cm, ảnh chụp không quá 6 tháng, kiểu chứng minh nhân dân   | 03       | Bản chính |
| 03  | Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu                          | 01       | Bản sao   |

### II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả                                                                                                  | Thời gian xử lý                                                               | Lệ phí   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------|
| Bộ phận tiếp nhận - Trường Cao đẳng Giao thông vận tải, địa chỉ: 252 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. | Thời gian giải quyết hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra. | Không có |

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc        | Trách nhiệm       | Thời gian      | Hồ sơ/Biểu mẫu          | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----------------|---------------------------|-------------------|----------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1             | Nộp hồ sơ                 | Cá nhân           | Giờ hành chính | Theo mục I              | Cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)                                                                                                                                                                                                                                |
|                | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ | Bộ phận tiếp nhận |                | BM 01<br>BM 02<br>BM 03 | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.<br>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02 và ghi rõ |

| Bước công việc | Nội dung công việc                            | Trách nhiệm                                 | Thời gian                   | Hồ sơ/Biểu mẫu                                                                        | Diễn giải                                                                                                                                                                                                    |
|----------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                |                                               |                                             |                             |                                                                                       | lý do.<br>- Trường hợp từ chối nộp hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03<br>Chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn thụ lý                                                                 |
| B2             | <b>Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả xử lý</b> | Cán bộ chuyên môn của trường                | 0,75 ngày làm việc (06 giờ) | Theo mục I<br>BM 01<br>Kết quả kiểm tra quá trình học của học viên<br>Dự thảo kết quả | Cán bộ chuyên môn thụ lý tiến hành thẩm tra, thẩm định hồ sơ theo quy định, đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ:<br>Dự thảo tờ trình, văn bản đề nghị cấp chứng chỉ bồi dưỡng.<br>Trình lãnh đạo trường xem xét |
| B3             | <b>Xem xét, trình ký</b>                      | Lãnh đạo trường Cao đẳng Giao thông vận tải | 01 ngày làm việc            | Theo mục I<br>BM 01<br>Kết quả kiểm tra quá trình học của học viên<br>Dự thảo kết quả | Lãnh đạo trường xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản đề nghị<br>Chuyển trình lãnh đạo Sở xem xét                                                                                                                  |
| B4             | <b>Duyệt ký</b>                               | Lãnh đạo Sở                                 | 01 ngày làm việc            | Theo mục I<br>BM 01<br>Kết quả kiểm tra quá trình học của học viên<br>Dự thảo kết quả | Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký duyệt cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ hoặc văn bản từ chối                                                                                  |
| B5             | <b>Phát hành văn bản</b>                      | Văn thư Sở                                  | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Hồ sơ đã được duyệt                                                                   | - Photo, đóng dấu chứng chỉ<br>- Vào sổ giao nhận hồ sơ và chuyển kết quả về trường Cao đẳng GTVT                                                                                                            |
| B6             | <b>Trả kết quả, lưu hồ sơ</b>                 | Bộ phận tiếp nhận                           | Theo giấy hẹn               | Kết quả                                                                               | Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức<br>Lưu, thống kê hồ sơ                                                                                                                                                      |

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                 |
|-----|---------|----------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. |

|   |       |                                                                          |
|---|-------|--------------------------------------------------------------------------|
| 2 | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ                              |
| 3 | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ                             |
| 4 | BM 04 | Đơn đề nghị dự học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ. |

## V. HỒ SƠ CÀN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu                                                             |
|-----|---------|--------------------------------------------------------------------------|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.                             |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ                              |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ                             |
| 4   | BM 04   | Đơn đề nghị dự học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ. |

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 có hiệu lực từ 01/7/2009;

- Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07 tháng 3 năm 2011 Quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dụng tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư liên tịch số: 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27 tháng 5 năm 2011 Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

## PHỤ LỤC 1

### MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ DỰ HỌC BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Ảnh  
2x3 cm

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ DỰ HỌC BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: .....

Tên tôi là: .....

Sinh ngày: ..... tháng ..... năm .....

Nơi cư trú:.....

Số Giấy chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Đề nghị cho tôi được dự học lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

....., ngày ..... tháng .... năm 20 .....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

\* Xin gửi kèm theo:

- 03 ảnh màu kích thước 2x3 cm mới chụp không quá 06 tháng theo kiểu CMND;
- 01 CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu (Bản photocopy, có bản chính để đối chiếu).